

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ - KỸ THUẬT
HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: / BC-CDKTKTHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2009

V/v: Báo cáo các nội dung thực hiện quy chế công khai đối với các cơ sở giáo dục đại học theo quy định tại Thông tư 09/2009/TT-BGDĐT

BÁO CÁO

Phần thứ nhất

CHUẨN ĐẦU RA CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKTKTHN

Ngày tháng 12 năm 2009. Địa chỉ truy cập: <http://hcet.edu.vn>)

A. GIỚI THIỆU CHUNG

I. Thông tin chung về Trường

1. Tên trường:

Tiếng Việt: Trường Cao đẳng Kinh tế- Kỹ thuật Hà Nội

Tiếng Anh: Hanoi Economics – Technical College

2. Tên viết tắt của Trường:

Tiếng Việt: CDKTKTHN

Tiếng Anh: HCET

3. Bộ chủ quản: Bộ Giáo dục và Đào tạo

4. Địa chỉ: 237 Vũ Hữu (A8 tầng 3) Quận Thanh Xuân Hà Nội

Điện thoại:	04.66869347
Số fax:	04.355776629
Email :	Vanphong.cdktkthn@gmail.com
Website:	http://www.hcet.edu.vn

5. Các cơ sở đào tạo:

Cơ sở 1: 237 Vũ Hữu (A8 tầng 3) Quận Thanh Xuân Hà Nội

Cơ sở 2: 233 Đường Khương Trung mới Quận Thanh Xuân Hà Nội

Cơ sở 3: 9 đường Trần Vỹ (C tầng 3), Mai Dịch Cầu Giấy Hà Nội

6. Năm thành lập trường:

Trường Cao đẳng Kinh tế Kỹ thuật Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 8021/QĐ-BGDĐT ngày 20 tháng 12 năm 2007.

II. Giới thiệu khái quát về Trường

1. Chức năng nhiệm vụ:

1.1 Chức năng:

- Trường CĐKT-KTHN là trường đa ngành, đa cấp, đa hệ về kinh tế và kỹ thuật có chức năng:

1) Đào tạo và bồi dưỡng trình độ cao đẳng chính quy, cao đẳng nghề; trung học chuyên nghiệp, kỹ thuật viên; 2) Nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Trường luôn thực hiện nghiêm túc các quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong công tác tuyển sinh, dạy và học. Tăng cường công tác quản lý sâu sát, hiệu quả về mọi mặt; Không ngừng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ giảng dạy; Tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo là biện pháp quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng tốt nhất nhu cầu nguồn nhân lực có kiến thức vững tay nghề giỏi, của mọi thành phần kinh tế, mọi loại hình doanh nghiệp.

1.2 Nhiệm vụ:

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng chính quy các chuyên ngành Kinh tế- Kỹ thuật được phép.

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao đẳng nghề các chuyên ngành Kinh tế và kỹ thuật được phép.

- Đào tạo nguồn nhân lực có trình độ trung cấp chuyên nghiệp các chuyên ngành Kinh tế và kỹ thuật được phép.

- Liên kết đào tạo với các trường Đại học đào tạo liên thông từ trung cấp, Cao đẳng lên Đại học hệ chính quy, liên kết đào tạo bậc Đại học hệ vừa học vừa làm.

- Nghiên cứu khoa học, triển khai áp dụng tiến bộ Khoa học kỹ thuật và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội;

- Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bảng 1. Danh mục các ngành, các chuyên ngành được phép đào tạo hệ Cao đẳng chính quy

Stt	Tên ngành đào tạo
1.	Quản trị kinh doanh (Quản trị doanh nghiệp, Quản trị khách sạn, Quản trị văn phòng...)
2.	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp, Kế toán tổng hợp...)
3.	Tài chính – Ngân hàng.(Tài chính doanh nghiệp, Ngân hàng, Kế toán ngân hàng...)
4.	Việt Nam học (hướng dẫn du lịch)
5.	Mạng máy tính và truyền thông.(Quản trị khai thác máy tính và mạng máy tính, Quan trị mạng...)

Bảng 2. Danh mục các ngành được phép đào tạo hệ TCCN

Stt	Tên ngành đào tạo
1.	Kế toán doanh nghiệp sản xuất

2.	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.
3.	Ngân hàng

2. Sứ mạng:

- Phương châm hành động của trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Hà Nội là:

” Chuyên môn vững , tay nghề giỏi”

- Xây dựng trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Hà Nội theo hướng phát triển cộng đồng, nâng cao dân trí. Một mặt, tạo cơ hội học tập đáp ứng nhu cầu “học tập suốt đời” của một bộ phận thanh niên chưa có điều kiện học Đại học. Mặt khác, với mô hình đào tạo nghề nghiệp ứng dụng tạo nhiều cơ hội có việc làm, với thu nhập ngày một nâng cao nhờ đáp ứng tốt yêu cầu nguồn nhân lực đa nghề, đa cấp có chất lượng cho phát triển kinh tế xã hội theo đúng tinh thần Nghị Quyết 54/NQ-TW của Bộ Chính trị và Quyết định 145/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ;

- Trường là nơi cung cấp cho thị trường lao động đội ngũ cán bộ vừa có trình độ chuyên môn vững, kỹ năng nghề nghiệp giỏi, đạo đức tốt, vừa có khả năng thích ứng với xã hội hội nhập, kinh tế - kỹ thuật phát triển nhanh, tính cạnh tranh gay gắt đảm bảo nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cho phát triển kinh tế xã hội trước mắt và lâu dài.

III. Giới thiệu khái quát về chuẩn đầu ra

1. Các tiêu chí của chuẩn đầu ra:

Chuẩn đầu ra của một trường Đại học, Cao đẳng là một trong các hệ thống tiêu chí thể hiện sự gắn kết giữa trường với nhu cầu đào tạo của xã hội. Chuẩn đầu ra của Trường CDKTKT Hà Nội thể hiện rõ năng lực sống và làm việc của một sinh viên đã được Nhà trường giáo dục và đào tạo. Với sứ mạng của mình, Trường CDKTKT Hà Nội đảm bảo sinh viên của Trường sau khi tốt nghiệp phải đạt được các tiêu chí sau:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và nhân cách tốt.
- Có kiến thức giáo dục đại cương, chuyên môn, chuyên ngành, đáp ứng tốt cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn;
- Có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp thuần thục;
- Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và học tập suốt đời, nhanh chóng thích ứng với Khoa học - Kỹ thuật và công nghệ hiện đại;

- Có khả năng giao tiếp, làm việc độc lập hoặc theo nhóm;
- Có kỹ năng sử dụng máy tính và các thiết bị ngoại vi thông dụng; Khai thác tốt những phần mềm ứng dụng phục vụ các hoạt động nghề nghiệp;
- Có năng lực sử dụng tiếng Anh trong thực tế công việc, giao tiếp và khai thác tài liệu chuyên ngành.

2. Các giải pháp chủ yếu đảm bảo chuẩn đầu ra của trường.

Nhà trường đã và đang triển khai đồng bộ các giải pháp:

- Đảm bảo tính đồng bộ của chương trình, nội dung đào tạo bám sát yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước; bám sát nhu cầu học tập nâng cao, nhu cầu tích hợp kiến thức của người học; phù hợp với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp trong xu thế toàn cầu hoá.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản về tổ chức hoạt động của trường nhằm thống nhất mọi hoạt động hướng tới không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đảm bảo quyền lợi của người học, đảm bảo uy tín và thương hiệu của trường.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ đầu ngành các chuyên ngành có trình độ, có tâm huyết, có uy tín, có thâm niên trong giảng dạy và nghiên cứu trực tiếp quản lý, giảng dạy và bồi dưỡng cán bộ các bộ môn chuyên ngành được phân công.

- Tuyển dụng đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ thực sự yêu nghề, nhiệt tình, hăng hái trong mọi hoạt động của trường, được tiếp tục bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kiến thức sư phạm nhằm từng bước đảm đương các nhiệm vụ chuyên môn được giao ngày càng có chất lượng.

- Tiếp tục mời các giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên có nhiều kinh nghiệm, các nhà lãnh đạo doanh nghiệp đến tham gia quá trình đào tạo của trường.

- Đảm bảo cơ sở vật chất cần thiết phục vụ tốt công tác giảng dạy về lý thuyết và thực hành: Phòng học, máy tính, micro, Projector, thư viện.

- Hết sức coi trọng công tác sinh viên.

Một mặt: Xây dựng đội ngũ giáo viên chủ nhiệm chuyên trách có tinh thần trách nhiệm cao, có nghiệp vụ, giúp nhà trường nắm bắt kịp thời mọi tình hình về học tập, rèn luyện và cuộc

sống của sinh viên, hỗ trợ sinh viên trong mọi hoạt động; Nâng cao vai trò, trách nhiệm tư vấn cho học sinh, sinh viên của lãnh đạo các Phòng, Ban, Khoa, Bộ môn, Đoàn thanh niên.

Mặt khác: Phát huy cao độ ý thức tự chủ, tự chịu trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong học tập, rèn luyện phấn đấu thông qua các hoạt động tập thể liên quan đến học tập, nghề nghiệp, các hoạt động mang tính cộng đồng và xã hội.

- Đổi mới phương pháp giảng dạy tăng cường tính tự chủ của sinh học sinh viên trong học tập. Đảm bảo nâng cao chất lượng thực tập, thực hành trong và ngoài trường. Chất lượng thực tập ngoài trường có sự tham gia đánh giá của doanh nghiệp. Xác định rõ sinh viên tham gia thực tập trước hết là để rèn luyện ý thức về tổ chức kỷ luật, về nghề nghiệp, về tác phong công tác để sau này có thể thích ứng ngay với nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục cải cách công tác quản lý, tăng cường hiệu quả sử dụng tài chính để tăng cường cơ sở vật chất phục vụ đào tạo, tăng cường hệ thống thông tin tiếp cận các chương trình học liệu điện tử, các tạp chí trong và ngoài nước và nâng cao đời sống cho toàn thể CBCNV.

- Định hướng các công tác của Đoàn thanh niên bám sát các hoạt động đào tạo, giảng dạy của Nhà trường; tích cực hỗ trợ sinh viên trong học tập rèn luyện về mọi mặt, cùng Nhà trường đảm bảo công tác giáo dục toàn diện cho học sinh, sinh viên.

3. Cam kết

- Thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế “ Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân” (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Căn cứ vào sứ mạng, chức năng của trường;

- Căn cứ vào nhu cầu thực tiễn về đào tạo nguồn nhân lực cho xã hội;

Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội trình trọng công bố chuẩn đầu ra của các ngành đào tạo trình độ Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp của Nhà trường.

Hệ thống chuẩn đầu ra này cũng chính là bản cam kết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám hiệu, các cán bộ Quản lý, các Nhà giáo và toàn thể CBCNV của trường trước Bộ GD&ĐT, cộng đồng và xã hội. Nhà trường cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các giải pháp đạt chuẩn đầu ra; đảm bảo đào tạo có chất lượng, đáp ứng tốt yêu cầu của người học, của thị trường lao động và nhu cầu xã hội.

B. CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH HỆ CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

I. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

1. CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức về Quản trị kinh doanh để thực thi các nhiệm vụ quản trị liên quan đến các hoạt động sản xuất và kinh doanh tại các đơn vị đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp

- Có đủ kiến thức để tự học nâng cao trình độ và học liên thông lên các bậc học cao hơn.

- Có trình độ tin học B

- Đạt trình độ tiếng Anh cơ bản có thể sử dụng trong công việc .

Kỹ năng:

- Kỹ năng tổ chức, điều hành và kiểm tra các hoạt động quản trị trong trong hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị của doanh nghiệp.

- Kỹ năng phân tích và nhận biết vấn đề trong thực tế sản xuất kinh doanh, đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề tại các đơn vị trong doanh nghiệp.

- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt;

- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

Vị trí và khả năng công tác sau khi tốt nghiệp:

- Bộ phận quản trị trong các doanh nghiệp như: Phòng kế hoạch, Tài chính, Nhân sự, Marketing, các đơn vị sản xuất...thuộc mọi loại hình doanh nghiệp;
- Các bộ phận quản lý sản xuất và quản lý kinh tế tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương;
- Các đơn vị phù hợp trong các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;
- Có thể học tập lên Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành: Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế toán, Tài chính – Ngân hàng..

II. NGÀNH KẾ TOÁN

1. CHUYỂN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức sâu về chuyên ngành kế toán doanh nghiệp, kiểm toán, phân tích hoạt động kinh doanh, luật chuyên ngành.
- Có kiến thức cơ bản về hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu và tổ chức dữ liệu kế toán;
- Có đủ kiến thức để tự học nâng cao trình độ và học liên thông lên các bậc học cao hơn.
- Có trình độ tin học B
- Đạt trình độ tiếng Anh cơ bản và tiếng Anh chuyên ngành có thể sử dụng trong công việc

Kỹ năng:

- Có kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ thực hành nghề nghiệp thông qua kỹ năng hợp tác làm việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích giải quyết vấn đề.

- Thành thạo trong việc định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập các chứng từ kế toán, tính toán chi phí, thu nhập và xác định kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Phân tích hoạt động kinh tế - tài chính và đề xuất ý kiến giúp các nhà lãnh đạo đơn vị tiến hành các giải pháp quản lý doanh nghiệp đúng pháp luật, kinh doanh đạt hiệu quả.

- Biết tổ chức công tác hạch toán trong doanh nghiệp một cách khoa học.

- Biết sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong nghiệp vụ kế toán và một số phần mềm quản lý khác.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt;

- Có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định và luật pháp của Nhà nước

- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Phòng Kế toán, Tài chính-Kế toán, Kế hoạch tiền lương... trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp có chức năng thực hiện các quy định pháp lý về kế toán nói riêng về kinh tế và quản lý nói chung;

- Các cơ quan kiểm toán Nhà nước.

- Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;

- Có thể học tập lên Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng. Kinh tế

và Quản trị kinh doanh.

III. NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG

1. CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức chuyên sâu về tài chính doanh nghiệp, biết cách phân tích báo cáo tài chính, hoạch định ngân sách vốn đầu tư, lập mô hình tài chính hoặc đầu tư tài chính;

- Có đủ kiến thức để học liên thông lên các bậc học cao hơn.

- Biết sử dụng ngoại ngữ, tin học trong quản lý tài chính doanh nghiệp.

Kỹ năng:

- Có kiến thức và kỹ năng nghiệp vụ thực hành nghề nghiệp trong mọi lĩnh vực hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Có khả năng vận dụng các kiến thức về tài chính doanh nghiệp vào thực tế và trong một số công việc liên quan đến quản trị doanh nghiệp, kế toán tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp.

- Thành thạo kỹ năng hợp tác làm việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ năng phân tích.

- Sử dụng thành thạo các phần mềm trong quản lý tài chính và một số phần mềm ứng dụng khác.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt;

- Có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định và luật pháp của Nhà nước trong quản lý tài chính và mọi hoạt động của doanh nghiệp.

- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Phòng Tài chính-Kế toán, Kế hoạch trong các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Các cơ quan Tài chính và thuế của Nhà nước

- Các cơ quan kiểm toán Nhà nước.

- Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;

- Có thể học tập lên Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành: Tài chính-Ngân hàng Kinh tế kế toán và Quản trị kinh doanh.

2. CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức cơ bản về Tài chính-Tiền tệ, Kế toán – Kiểm toán; Ngân hàng thương mại; Quản trị hoạt động Ngân hàng, phân tích tài chính doanh nghiệp, nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối.

- Nắm vững kỹ năng thực hành cụ thể trong hoạt động kinh doanh Ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Biết sử dụng ngoại ngữ tin học trong công tác quản lý tài chính kế toán Ngân hàng.

- Có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường về chuyên môn trong lĩnh vực Ngân hàng.

Kỹ năng:

- Thành thạo các kỹ năng thực hành nghề nghiệp để có thể đảm nhận công việc được giao như: tài chính-tín dụng, kế toán Ngân hàng., thị trường chứng khoán, thanh toán Quốc tế.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khoẻ tốt;
- Có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định và luật pháp của Nhà nước trong mọi lĩnh vực, đặc biệt trong lĩnh vực tài chính tiền tệ.
- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Các Ngân hàng Nhà nước; Ngân hàng thương mại; Các tổ chức tín dụng; Các công ty chứng khoán thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Có thể đảm nhận tư vấn Ngân hàng, tư vấn chứng khoán và các dịch vụ Ngân hàng khác.
- Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;
- Có thể học tập lên Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành Tài chính-Ngân hàng. Kinh tế Kế toán và Quản trị kinh doanh.

IV. CHUYÊN NGÀNH HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Sinh viên tốt nghiệp có kiến thức về : Lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán các tộc người, hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng Việt Nam, tình hình kinh tế- chính trị- xã hội của Việt Nam...; Có kiến thức về chuyên ngành hướng dẫn du lịch: Kiến thức về tổng quan du lịch,

ng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, nghiệp vụ lễ tân, quản trị khách sạn, nhà hàng...

- Có đủ kiến thức để tự học nâng cao trình độ và học liên thông lên các bậc học cao hơn.
- Có khả năng sử dụng tin học thành thạo phục vụ công tác quản trị du lịch.
- Đạt trình độ tiếng Anh có thể sử dụng trong công việc hướng dẫn du lịch

Kỹ năng:

- Kỹ năng tổ chức, điều hành và giải quyết các tình huống trong nghiệp vụ hướng dẫn, thiết kế chương trình du lịch.

- Kỹ năng phân tích và nhận biết vấn đề trong thực tế dịch vụ kinh doanh du lịch, đưa ra các giải pháp giải quyết vấn đề tại các đơn vị trong doanh nghiệp du lịch.

- Kỹ năng giao tiếp, văn hóa ứng xử hiệu quả trong hoạt động hướng dẫn du lịch và dịch vụ du lịch.

- Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt;

- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Có thể làm việc tại các doanh nghiệp lễ tân, đại lý du lịch, điểm tham quan du lịch, hoặc các cơ sở du lịch khác thuộc mọi thành phần kinh tế với chức danh hướng dẫn du lịch.

- Các bộ phận quản lý dịch vụ du lịch tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương;

- Các đơn vị phù hợp trong các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu khoa học theo đúng chuyên ngành đào tạo;
- Có thể học tập lên Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ các ngành: Kinh tế du lịch, Quản trị kinh doanh du lịch và các ngành kinh tế, Quản trị kinh doanh khác..

V. MẠNG MÁY TÍNH VÀ TRUYỀN THÔNG

1. CHUYÊN NGÀNH : QUẢN LÝ KHAI THÁC MÁY TÍNH VÀ MẠNG MÁY TÍNH.

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Sinh viên tốt nghiệp được trang bị kiến thức cơ bản và chuyên sâu về máy tính, mạng máy tính đáp ứng yêu cầu khai thác ứng dụng trong khai thác máy tính và mạng máy tính.
- Hiểu cấu tạo, nguyên lý hoạt động của máy tính, các thiết bị ngoại vi, các thiết bị mạng...;
- Hiểu các nguyên tắc đảm bảo chất lượng, các phương pháp và quy trình đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin;
- Có kiến thức cơ bản về tổ chức và quản lý mạng máy tính;
- Có đủ kiến thức để tự học nâng cao trình độ và học liên thông lên các bậc học cao hơn.
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh chuyên ngành phục vụ công tác chuyên môn.

Kỹ năng:

- Biết lắp ráp và khắc phục các bộ phận của máy tính.
- Có khả năng xây dựng một mạng máy tính, vận hành bảo trì hệ thống mạng.
- Có khả năng khai thác các ứng dụng trên mạng

- Có kỹ năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm.
- Khai thác ứng dụng cho các hoạt động xã hội dựa trên ứng dụng mạng máy tính (quản trị Web, tổ chức diễn đàn, quản lý diễn đàn)

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu công tác.
- Năng động, cập nhật kiến thức và áp dụng sáng tạo trong công việc;
- Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được đào tạo;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ phục vụ tốt;

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Sau khi tốt nghiệp, người học có khả năng làm việc ở các cơ sở lắp ráp máy tính, điều hành tin học hoặc đảm nhiệm các chức danh quản lý mạng máy tính, công tác tại các cơ sở sản xuất phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, các cơ sở kinh doanh.
- Có thể làm nhân viên quản trị mạng (Admin); Cài đặt mạng LAN với sử dụng nhiều hệ điều hành, thực hiện các nhiệm vụ diện rộng mạng WAN, PSTN, ISDN Fram, Relay 57...

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

- Sinh viên tốt nghiệp hệ Cao đẳng chính quy được học liên thông lên Đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo tại các trường Đại học có chuyên ngành phù hợp.
- Sinh viên có thể học tiếp bậc Đại học tại trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Hà Nội theo chương trình liên thông với các trường Đại học.
- Có thể nâng cao chuyên môn theo chuẩn Quốc tế tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam: NIIT: ACNA (Học viện mạng NIIT- Ấn Độ); Ciso: CCNA, CCNP (Học viện mạng Cisco System- Mỹ); Microsoft: MCP, MCSA, MCSE (Chuẩn quốc tế- Mỹ); Linux: LPC1, LPC2, LPC3 (Quản trị mạng trên Linux chuẩn quốc tế); Network System: NSJ (Chuẩn kỹ sư mạng của Nhật Bản)

2. CHUYỀN NGÀNH: QUẢN TRỊ MẠNG VÀ KỸ THUẬT AN NINH THÔNG TIN.

Kiến thức:

- Thỏa mãn điều 17 – Quy chế Đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy (theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ban hành ngày 26/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)
- Được trang bị kiến thức chuyên sâu về mạng máy tính: thiết bị mạng, các phần mềm giao dịch mạng.
- Hiểu các nguyên tắc về truyền thông tin trong mạng.
- Hiểu về an ninh mạng máy tính.
- Có kiến thức để xây dựng hệ thống mạng, có khả năng đáp ứng được nhu cầu đảm bảo an ninh thông tin.
- Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong chuyên môn.

Kỹ năng:

- Triển khai thiết kế mạng cục bộ, mạng diện rộng.
- Lập phương án quản trị mạng.
- Triển khai hệ thống áp dụng kỹ thuật an ninh thông tin.

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu công tác.
- Năng động, cập nhật kiến thức và áp dụng sáng tạo trong công việc;
- Có ý thức trách nhiệm và có hoài bão về nghề nghiệp được đào tạo;
- Có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức kỷ luật, tác phong công nghiệp và thái độ

phục vụ tốt;

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Có khả năng đảm nhận các chức năng tham mưu, tư vấn, tổ chức thực hiện tại các cơ sở, các tổ chức có nhu cầu sử dụng mạng máy tính và an ninh thông tin.
- Có thể làm việc theo nhóm hoặc độc lập tại mọi cơ sở có sử dụng mạng máy tính: LAN, MAN, WAN, INTERNET.

Khả năng học tập nâng cao trình độ:

- Sinh viên tốt nghiệp hệ Cao đẳng chính quy được học liên thông lên Đại học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại các trường Đại học có chuyên ngành phù hợp.
- Sinh viên có thể học tiếp bậc Đại học tại trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Hà Nội theo chương trình liên thông với các trường Đại học.
- Có thể nâng cao chuyên môn theo chuẩn Quốc tế tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam: NIIT: ACNA (Học viện mạng NIIT- Ấn Độ); Ciso: CCNA,CCNP (Học viện mạng Cisco System- Mỹ); Microsoft: MCP,MCSA,MCSE (Chuẩn quốc tế- Mỹ); Linux: LPC1,LPC2,LPC3 (Quản trị mạng trên Linux chuẩn quốc tế); Network System: NSJ (Chuẩn kỹ sư mạng của Nhật Bản)

C. CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH HỆ TRUNG CẤP

CHUYÊN NGHIỆP

1. KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

Kiến thức:

- Học sinh sau khi tốt nghiệp được trang bị kiến thức về nghiệp vụ nghề nghiệp kế toán, kiến thức về lập, kiểm tra chứng từ phát sinh tại các đơn vị. Biết định khoản và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên chứng từ vào sổ kế toán tổng hợp và vào sổ chi tiết liên quan đến phần thực hành kế toán,. Tính lương phải trả cho người lao động, trích các khoản BHXH, BHYT và các khoản phụ cấp liên quan.

Kỹ năng:

- Thành thạo trong thực hành nghề nghiệp, trong các kỹ năng hợp tác làm việc, kỹ năng làm việc độc lập, phân tích giải quyết vấn đề liên quan đến hoạt động tài chính-kế toán của đơn vị.
- Có khả năng lập báo cáo kế toán theo yêu cầu quản lý.
- Có khả năng giải quyết được một số công việc kế toán liên quan đến kê khai thuế, giao dịch với Ngân hàng, khách hàng...
- Sử dụng máy vi tính và các phần mềm kế toán một cách thành thạo.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Phòng Kế toán, Tài chính-Kế toán, Kế hoạch tiền lương... trong các doanh nghiệp sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế.
- Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp và quản lý nói chung;
- Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp với chức danh phù hợp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

Có thể học tập lên Cao đẳng, Đại học các ngành: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng. Kinh tế và Quản trị kinh doanh.

II. NGÂN HÀNG

Kiến thức:

- Học sinh sau khi tốt nghiệp được trang bị kiến thức về nghiệp vụ nghề nghiệp tài chính – Ngân hàng có thể sử dụng trong các công việc chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán ngân hàng, tín dụng, tài chính- tiền tệ.
- Nắm vững kỹ năng thực hành cụ thể trong hoạt động kinh doanh Ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

- Biết sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công tác quản lý tài chính kế toán Ngân hàng.

Kỹ năng:

- Thành thạo trong thực hành nghề nghiệp, trong kỹ năng hợp tác làm việc, kỹ năng làm việc độc lập, phân tích giải quyết vấn đề và đề xuất ý kiến giúp các nhà lãnh đạo thực hiện các giải pháp quản lý tài chính tiên tiến đúng pháp luật và hiệu quả.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Các phòng nghiệp vụ thuộc các Ngân hàng, các cơ sở Tín dụng thuộc mọi thành phần kinh tế.

- Các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp và quản lý nói chung;

- Các viện nghiên cứu, trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp với chức danh phù hợp.

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường:

Có thể học tập lên Cao đẳng, Đại học các ngành: Tài chính-Ngân hàng. Kinh tế, Kế toán và Quản trị kinh doanh.

III. HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Kiến thức:

- Học sinh ra trường có kiến thức và nghiệp vụ về hướng dẫn du lịch: tổ chức và thực hiện chương trình du lịch, các phương pháp hướng dẫn tham quan tại các điểm du lịch.

- Kiến thức về tâm lý khách du lịch, kiến thức về thị hiếu, nhu cầu khách hàng, dịch vụ khách hàng về lưu trú, ăn uống, vận chuyển, các dịch vụ bổ sung, cách bố trí các điểm tham quan trong chương trình du lịch phù hợp với điều kiện tài chính, sức khỏe, thời gian, thời tiết...

- Có kỹ năng quan hệ với các nhà cung cấp dịch vụ soạn thảo hợp đồng, phương pháp tính giá, tổ chức thực hiện và xử lý tình huống nghiệp vụ cơ bản trong hướng dẫn du lịch.

Kỹ năng:

- Có khả năng đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên du lịch
- Có khả năng thiết kế xây dựng chương trình du lịch, xác định giá bán, quảng cáo, thực hiện hợp đồng, tổ chức điều hành thực hiện chương trình.
- Có khả năng thuyết trình xử lý tình huống cơ bản về nghiệp vụ du lịch...

Thái độ:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và sức khỏe tốt;
- Có tinh thần trách nhiệm, ý thức cộng đồng và tác phong chuyên nghiệp.

Vị trí và khả năng làm việc sau khi tốt nghiệp:

- Có thể làm việc tại các doanh nghiệp lữ hành, đại lý du lịch, điểm tham quan du lịch, hoặc các cơ sở du lịch khác thuộc mọi thành phần kinh tế với chức danh hướng dẫn du lịch.
- Các bộ phận quản lý dịch vụ du lịch tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương và địa phương;
- Các đơn vị phù hợp trong các Viện nghiên cứu, các trường Đại học, Cao đẳng và Trung cấp chuyên nghiệp.

Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:

- Có thể học tập lên Cao đẳng, Đại học và bậc cao hơn của các ngành: Kinh tế du lịch, Quản trị kinh doanh du lịch và các ngành Kinh tế, Quản trị kinh doanh khác

Phần hai

CÁC ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKTKTHN

Ngày tháng 12 năm 2009. Địa chỉ truy cập: <http://hanetco.edu.vn>)

1. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN.

1.1. Về đội ngũ giáo viên:

v **Đội ngũ giáo viên cơ hữu:**

- Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2009 đội ngũ giáo viên cơ hữu của trường có 49 giáo viên thực tế, trong đó có 1 giáo sư, 2 phó giáo sư, 9 giảng viên chính, 5 giảng viên có bằng TS, 11 giảng viên có bằng thạc sỹ và 21 giảng viên có bằng cử nhân.

- Số giảng viên quy đổi là: 71 gvqđ (bảng 1)

Bảng 1: Danh sách giáo viên cơ hữu trường CDKTKT Hà Nội

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ ĐT	Năm sinh	Khoa/Bộ môn
1	Nguyễn Nguyên Cự	PGS,TBM	TS	15/5/1942	KT-QTKD
2	Trần Tiến Đạt	GVC	Ths	2/4/ 1946	CNTT
3	Nguyễn Ngọc Khiêm	GV	TS	18/8/1944	KT-QTKD
4	Lê Hữu Ý	GV	CN	20/4/1952	GDQP
5	Phan Văn Thuyết	GV	CN	8/1/1945	GDQP
6	Phạm Công Thắng	GV	CN	5/8/1951	GDQP
7	Tạ Công Đạt	GV	CN	3/10/1949	GDQP
8	Nguyễn Đăng Chế	GV	CN	16/8/1950	GDQP
9	Ngô Bá Kha	GV	CN	15/4/1949	GDQP
10	Đào Thị Thu Hiền	GV	Ths	23/1/1982	KT-QTKD
11	Trịnh Thị Thương	GV	Ths	18/8/1981	Tiếng Anh
12	Lê Thị Thủy	GV	Ths	16/1/1984	KT-QTKD
13	Nguyễn Thị Liên	TBM	Ths	6/4/1955	Tiếng Anh
14	Nguyễn Thị Chiến	TBM	TS	14/10/1952	Ngân hàng
15	Dương Thị Tuệ	TBM	TS	1/4/1950	Tài chính

16	Trịnh Quang Hào	TBM	TS	19/11/1947	Du lịch
17	Mai Ngọc Miên	TBM	Ths	12/2/1947	Kế toán
18	Lương Văn Nguyên	GV	ThS	5/10/1984	CNTT
19	Đình Văn Phương	PT Khoa	TS	15/7/1960	Chính trị
20	Trương Văn Phúc	GV	TS	15/3/1946	KT-QTKD
21	Phạm Ngọc Hà	GV	CN	10/7/1982	Chính trị
22	Vũ Thị Sâm	GV	CN	20/2/1982	Tiếng Anh
23	Mạc Văn Quang	GV	Ths	23/11/1977	CNTT
24	Trần Thị Ân	GV	CN	11/8/1986	Tiếng Anh
25	Ngô Huy Cương	GV	CN	28/10/1979	Tài chính
26	Hà Văn Thủy	GV	CN	15/4/1980	KT-QTKD
27	Trần Thị Huyền	GV	CN	18/5/1984	Du lịch
28	Hoàng Thu Thủy	GV	Ths	17/12/1984	Toán
29	Tô Dũng Tiến	GS	TS	18/12/1941	KT-QTKD
30	Nguyễn Thái Văn	GV	TS	20/10/1942	Kế toán
31	Hoàng Ngọc Bích	GVC	CN	6/9/1948	KT-QTKD
32	Nguyễn Duy Hồng	GVC	CN	8/10/1942	KT-QTKD
33	Nguyễn Văn Quý	GVC	CN	18/4/1945	KT-QTKD
34	Nguyễn Thị Phương	GV	CN	9/2/1981	Kế toán
35	Trần Thị Mến	GV	CN	25/12/1952	Kế toán
36	Vũ Thúy Hà	GV	Ths	4/6/1983	Kế toán
37	Nguyễn Thị Thuần	GV	CN	23/4/1953	Ngân hàng
38	Nguyễn Huy Tường	GV	CN	18/2/1949	Ngân hàng
39	Phạm Ngọc Phúc	PGS.Trưởng khoa Cơ bản	TS	1944	Toán
40	Trương Thị Nhung	GV	CN	15/9/1987	Du lịch

41	Võ Thị Vân	GV	CNCĐ	25/10/1987	CNTT
42	Phan Tiến Huy	GV	CN	25/6/1984	Chính trị
43	Nguyễn Thị Diên	GV	CN	14/10/1987	Kế toán
44	Nguyễn Hải Long	GV	CN	8/3/1988	Chính trị

45	Đặng Hoài Thu	GV	CN	14/11/1983	Toán
46	Nguyễn Phương Mai	GV	TS	22/6/1972	KT-QTKD
47	Đỗ Thị Hương	GV	Ths	07/2/1978	Kế toán
48	Vũ Thị Hiền	GV	CN	8/10/1953	Toán
49	Mai xuân Hà	GV	CN	1979	CNTT

v **Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng:**

- Tổng số giáo viên thỉnh giảng tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2009 là 90 giảng viên thực tế, trong đó có 6 tiến sỹ, 45 thạc sỹ và 39 cử nhân.

- Số giảng viên thỉnh giảng quy đổi là: 21 gvquđ. (Bảng 2)

Bảng 2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ ĐT	Năm sinh	Khoa/Bộ môn
1	Nguyễn Thị Hải Yến	GV	Ths	1979	Tiếng Anh
2	Phạm Thị Yến	GV	Ths	1982	Tiếng Anh
3	Trần Thị Thuyết	GV	Ths	1982	Chính trị
4	Đậu Hữu Huyền	GV	Ths	1958	Chính trị
5	Phạm Văn Tư	GV	Ths	1980	Tài chính- Ngân hàng
6	Trần Hùng Cường	GV	CN	1974	CNTT
7	Đặng Thị Kim Anh	GV	CN	1982	CNTT

8	Nguyễn Thanh Thảo	GV	Ths	1984	Kinh tế
9	Hà Thị Tuyết	GV	CN	1985	Kế toán
10	Đỗ Thị Thanh Vân	GV	CN	1983	Kế toán
11	Nguyễn Thị Thanh Hoài	GV	TS		Tài chính
12	Phạm Đăng Tinh	GV	CN	1978	Tài chính
13	Nguyễn Thị Minh Ngọc	GV	CN	1979	Du lịch
14	Phạm Đăng Tinh	GV	CN	1978	Tài chính-Ngân hàng
15	Cao Hồng Hạnh	GV	CN		Kế toán
16	Mai Thanh Thủy	GV	CN	1984	Kế toán
17	Mai Anh Đức	GV	CN	1985	Tài chính-Ngân hàng
18	Mai Tuấn Anh	GV	CN	1983	Tài chính-Ngân hàng
19	Tạ Ngọc Ánh	GV	Ths		Toán
20	Nguyễn Thanh Hà	GV	Ths	1972	Toán
21	Phan Thu Hà	GV	Ths	1970	Toán
22	Nguyễn Văn An	GV	CN	1947	Toán
23	Phạm Phú Tiến	GV	Ths		Tiếng Anh
24	Thạch Thị Minh	GVC	Ths		Tiếng Anh
25	Lê Thị Minh Hiên	GV	CN		Tiếng Anh
26	Hoàng Thị Thu Hà	GV	CN		Tiếng Anh
27	Tạ Việt Hùng	GV	Ths		Chính trị
28	Nguyễn Hữu Phúc	GV	Ths	1969	Pháp luật
29	Ngô Cẩm Ly	GV	CN		Tiếng Anh
30	Trần Hùng Cường	GV	Ths	1975	CNTT
31	Đặng Thị Kim Anh	GV	Ths		CNTT
32	Vũ Minh Tân	GV	Ths		CNTT

33	Đông Thị Thanh Hà	GV	Ths		Tiếng Anh
34	Mai Văn Bảo	GV	TS	1951	Chính trị
35	Đoàn Xuân Thủy	GV	TS		Chính trị
36	Đỗ Huy Hà	GV	Ths	1968	Chính trị
37	Kiều Khắc Phương	GV	Ths	1974	CNTT
38	Phạm Văn Hường	GV	Ths		CNTT
39	Vũ Thị Lợi	GV	TS	1973	Tài chính-Ngân hàng
40	Nguyễn Thành Nam	GV	CN	1985	Tài chính-Ngân hàng
41	Ngô Thị Tùng Thanh	GV	Ths		Tài chính-Ngân hàng
42	Phạm Thị Phương	GVC	Ths		QTKD
43	Phạm Thị Thúy Vân	GV	Ths	1972	QTKD
44	Trần Ngọc Tiến	GV	CN	1976	QTKD
45	Đỗ Thu Hương	GV	Ths		Kinh tế
46	Trần Thị Kim Oanh	GV	CN	1981	Du lịch

47	Nguyễn Thị Thu Trang	GV	CN	1983	Du lịch
48	Lưu Thị Oanh	GV	CN	1982	Du lịch
49	Đinh Thị Xuân Hạnh	GV	Ths		Du lịch
50	Trần Văn Duy	GV	Ths	1982	Pháp luật
51	Hoàng Minh Hợi	GV	Ths	1977	Pháp luật
52	Nguyễn Thanh Nhân	GV	CN		Tiếng Anh
53	Đinh Quốc Triệu	GV	Ths	1969	Chính trị
54	Nguyễn Thị Hương	GV	CN	1982	Tiếng Anh
55	Đinh Công Tuấn	GV	Ths		Pháp luật
56	Nguyễn Công Bình	GV	Ths		Du lịch
57	Phạm Văn Thấu	GV	TS	1958	Du lịch

58	Trần Đức Long	GV	Ths	1971	Pháp luật
59	Lê Hải Hà	GV	Ths	1982	Kinh tế
60	Bùi Thị Lý	GV	CN	1977	Tiếng Anh
61	Đào Thị Báu	GV	Ths	1977	Pháp luật
62	Dương Hương Liên	GV	CN	1976	Toán
63	Nguyễn Thị Tý	GV	Ths		Tiếng Anh
64	Vũ Văn Tuấn	GV	Ths	1975	Pháp luật
65	Vũ Xuân Cảnh	GV	CN	1980	Chính trị
66	Nguyễn Thị Lâm Anh	GV	Ths		Tiếng Anh
67	Đỗ Mạnh Quân	GV	TS		Chính trị
68	Mai Thanh Thủy	GV	CN	1984	Kế toán
69	Bùi Thị Kim Nhiên	GV	CN	1975	Kế toán
70	Trần Thanh Lâm	GV	TS	1943	Kinh tế
71	Phan Thị Phương	GV	Ths	1953	QTKD
72	Nguyễn Thị Linh	GV	CN	1986	QTKD
73	Đỗ Anh Tuấn	GV	CN	1984	Toán
74	Nguyễn Thị Nga	GV	Ths	1984	Toán
75	Phạm Thị Khánh Linh	GV	CN	1976	Tài chính-Ngân hàng
76	Võ Minh Thu	GV	Ths	1978	Tài chính- Ngân hàng
77	Trần Thu Trang	GV	CN	1986	Kế toán
78	Bùi thị Tuyền	GV	CN	1984	Kế toán
79	Bùi Thị Hồng Thúy	GV	CN	1987	Kế toán
80	Mai Tuấn Anh	GV	CN	1983	Kinh tế
81	Phạm Đăng Tĩnh	GV	CN	1978	Tài chính-Ngân hàng
82	Nguyễn Cẩm Bình	GV	Ths	1978	QTKD

83	Mai thị Thúy Vân	GV	Ths	1979	QTKD
84	Lương Xuân Dương	GV	Ths	1974	QTKD
85	Lê Đình Mùi	GV	Ths	1967	Pháp luật
86	Vũ Sỹ Tuyên	GV	Ths	1950	CNTT
87	Phạm Tuấn Giáo	GV	TS	1960	Toán
88	Nguyễn Anh Dũng	GV	CN	1978	Toán
89	Phạm Thị Hiền Thu	GV	CN	1976	Du lịch
90	Đào thị Lan Hương	GV	Ths	1976	Ngân hàng

1.2. Đội ngũ cán bộ và nhân viên quản lý

- Tính đến ngày 31 tháng 10 năm 2009, đội ngũ cán bộ và nhân viên quản lý của trường là 25 người, trong đó phần lớn là giáo viên kiêm nhiệm quản lý.

Bảng 3: Danh sách cán bộ và nhân viên quản lý trường CĐKTKT Hà Nội

STT	Họ và tên	Chức danh	Trình độ ĐT-CM	Năm sinh	Đơn vị CT
1	Phạm Gia Thiệu	CT HĐQT Hiệu trưởng	TS	1937	BGH
2	Nguyễn Văn Thiêm	PCT HĐQT, PHT	CN	1940	BGH
3	Nguyễn Nguyên Cự	PHT, TBM GV k. nhiệm	PGS.TS	15/5/1942	BGH.BM
4	Trần Tiến Đạt	TP ĐT-CTSV GV k. nhiệm	Ths.GVC	2/4/1946	Phòng ĐT-CTSV
5	Nguyễn Ngọc Khiêm	T.kh. ĐT TX GV k. nhiệm	TS	18/8/1944	Khoa ĐT hệ VHVL
6	Phạm Ngọc Phúc	CN khoa CB	PGS.TS	1944	Khoa CB
7	Đình Văn Phương	PCN khoa CB	TS	15/7/1960	Khoa CB
8	Đặng Thị Hoài Thu	GV k. nhiệm	CN	14/11/1983	ĐT-CTSV
9	Võ Thị Vân	GV k. nhiệm	CNCĐ	25/10/1987	ĐT-CTSV

10	Trương Thị Nhung	GV k. nhiệm	CN	15/9/1987	ĐT-CTSV
11	Phan Tiên Huy	GV. K. nhiệm	CN	25/6/1984	ĐT-CTSV
12	Lê Hữu Ý	GVCN	CN	20/4/1952	ĐT-CTSV
13	Phan Văn Thuyết	GVCN	CN	8/1/1945	ĐT-CTSV
14	Phạm Công Thắng	GVCN	CN	5/8/1951	ĐT-CTSV
15	Tạ Công Đạt	GVCN	CN	3/10/1949	ĐT-CTSV
16	Nguyễn Đăng Chế	GVCN	CN	16/8/1950	ĐT-CTSV
17	Dương Văn Dót	CB thư viện	Ths	1/5/1947	HC-TH
18	Ngô Bá Kha	PTP HC-TH GV. K. nhiệm	CN	15/4/1949	HC-TH
19	Đỗ Thị Huân	PTP HC-TH	CN	2/5/1949	HC-TH
20	Nguyễn Thị Diên	GV k. nhiệm	CN	14/10/1987	HC-TH
21	Phạm Thị Huệ	NV	TC	10/3/1987	HC-TH
22	Nguyễn Hải Long	GV k. nhiệm	CN	8/3/1988	HC-TH
23	Trần thị Loan	NV	TC	4/2/1988	HC-TH
24	Phạm Gia Thắng	TP. Đối ngoại	CN		P. ĐN
25	Nguyễn T. Ngọc Tú	NV	CNCD	26/12/1985	P.ĐN
26	Nguyễn Quỳnh Thanh	NV	TC	18/2/1984	HC-TH
27	Phạm Văn Toàn	Lái xe		27/9/1984	HC-TH

1.3. Tổng hợp về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý và nhân viên trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội. (Bảng 4: Thông báo công khai đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên trường Cao đẳng kinh tế kỹ thuật Hà Nội)

- v Tinh đến ngày 31/10/2009 tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên là 166 người. Trong đó biên chế chính thức và hợp đồng dài hạn của trường là 73 người, hợp đồng ngắn hạn và thỉnh giảng là 93 người.
- v Riêng cán bộ giảng dạy có 139 người, bao gồm 49 cán bộ cơ hữu và hợp đồng dài hạn và 90 giáo viên thỉnh giảng. Trong đó có 01 giáo sư , 2 phó giáo sư, 19 tiến sỹ (13,7%), 55 thạc sỹ (39,6%) và 65 cử nhân (46,7%) .
- v Tổng số giáo viên quy đổi của trường là: 92 gvqđ, trong đó cán bộ cơ hữu và hợp đồng dài hạn là 71, cán bộ thỉnh giảng 21.

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Hà Nội năm học 2009 -2010.

(Theo biểu mẫu số 23 kèm theo thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009)

S T T	Nội dung	Tổng số	Hình thức tuyển dụng		Chức danh		Trình độ đào tạo				
			Tuyển dụng trước ND 116 và tuyển dụng theo ND 116 (Biên chế, hợp đồng làm việc có thời hạn và không thời hạn)	Các hợp đồng khác (Hợp đồng làm việc, HĐ vụ việc, ngắn hạn, thỉnh giảng, HĐ theo ND 68)	Giáo sư	Phó giáo sư	T i ế n s ỹ	T h ạ c s ỹ	Đ ạ i h ọc	C ạ o đ ã ng	Tr ình độ kh ác
	Tổng số GV, CB quản lý và NV	166	73	93	1	2	22	56	84	2	2
I	Giảng viên	139	49	90	1	2	19	55	65		
1	<i>Khoa cơ bản</i>	57	18	39			6	27	24		
a	BM Chính trị, pháp luật	21	4	17			4	13	4		
b	BM Toán	13	4	9		01	2	5	6		
c	BM tiếng Anh	17	4	13				9	8		
d	GDQP	6	6						6		
2	<i>Các bộ môn trực thuộc</i>	82	31	51			13	28	41		
a	BM KT-	24	11	13	01	01	6	9	9		

1.6. *Đội ngũ giảng viên thực tế và kế hoạch đội ngũ giảng viên năm 2010*

- v Năm 2010 nhà trường cần đội ngũ giảng viên là 243 người (tăng 104 giảng viên so với năm 2009), trong đó giảng viên cơ hữu cần 100 người (tăng thêm 51 người), cán bộ thỉnh giảng cần mời 143 người.
- v Năm 2010 các lớp khóa 1 và các lớp khóa 2 đã vào học các môn chuyên ngành và các môn cơ sở ngành. Vì vậy, cần tập trung lực lượng cho các bộ môn chuyên ngành. Cụ thể, được trình bày trong bảng 6.

Bảng 6: Tổng hợp giảng viên thực tế và kế hoạch năm 2010

(số liệu giảng viên thực tế tại thời điểm 31/10/2009)

Đơn vị tính: Người

STT	Các đơn vị	Hiện có năm 2009			Kế hoạch năm 2010		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó	
			Cơ hữu	Th giảng		Cơ hữu	Th.giảng
I	Giảng viên	139	49	90	243	100	143
1	<i>Khoa cơ bản</i>	57	18	39	97	30	67
A	BM.Chính trị, Pháp luật	21	4	17	36	9	27
B	Bộ môn Toán	13	4	9	22	6	16
C	Bộ môn Tiếng Anh	17	4	13	30	9	21
D	Bộ môn GDQP	6	6		9	6	3
2	<i>Các bộ môn trực thuộc</i>	82	31	51	146	70	76
A	BM Kinh tế-QTKD	24	11	13	17	11	6
B	Bộ môn Kế toán	16	7	9	62	26	36
C	Bộ môn Tài chính	4	2	2	11	5	6
D	Bộ môn Ngân hàng	14	3	11	35	19	16
Đ	Bộ môn CNTT	13	5	8	12	6	6
E	Bộ môn HDDL	11	3	8	9	3	6

1.7. Số sinh viên trên một giảng viên của trường năm 2009 và kế hoạch 2010

Bảng 7: Số sinh viên trên một giảng viên năm 2009 và kế hoạch 2010

(Số liệu giảng viên và sinh viên thực tế tính đến ngày 31/10/2009)

Đơn vị tính: Người

STT	Chỉ tiêu	Năm 2009	Kế hoạch 2010
1	Số giảng viên thực tế (GVTT)	139	243
2	Số giảng viên quy đổi (GVQĐ)	92	180
3	Số sinh viên thực tế (SVTT)	2558	5858
4	Số sinh viên quy đổi (SVQĐ)	2155	3955
5	Số SVTT/ GVTT	18,4	24,1
6	Số SVQĐ/ GVQĐ	23,4	21,9

2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường Cao đẳng Kinh tế-Kỹ thuật Hà Nội

(Theo biểu mẫu 22 kèm theo thông tư 09/2009/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	15
II	Số cơ sở đào tạo	Cơ sở	2
III	Diện tích xây dựng	m ²	
IV	Giảng đường/ phòng học	m ²	
1	Số phòng học	phòng	21
2	Diện tích	m ²	1880
V	Diện tích hội trường	m ²	200
VI	Phòng máy tính	phòng	3
1	Diện tích	m ²	247
2	Số máy tính sử dụng được	máy tính	147
3	Số máy tính nối mạng ADSL	máy tính	10
VII	Phòng học ngoại ngữ		
1	Số phòng học	Phòng	
2	Diện tích	m ²	
3	Số thiết bị đào tạo ngoại ngữ chuyên dùng (tên các	Thiết bị	8

	thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)		Radiocatset
VIII	Thư viện	phòng	2
1	Diện tích	m ²	104
2	Số đầu sách	Quyển	10000
IX	Phòng thí nghiệm		
1	Diện tích	m ²	
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	Thiết bị	
X	Xưởng thực tập thực hành		
1	Diện tích	m ²	
2	Số thiết bị thí nghiệm chuyên dùng (tên các thiết bị, thông số kỹ thuật, năm sản xuất, nước sản xuất)	Thiết bị	
XI	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
1	Số sinh viên ở trong ký túc xá	Sinh viên	
2	Diện tích	m ²	
3	Số phòng	Phòng	
4	Diện tích bình quân/sinh viên	m ² /SV	
XII	Diện tích nhà văn hóa	m ²	
XIII	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m ²	
XIV	Diện tích bể bơi	m ²	
XV	Diện tích sân vận động	m ²	

Phần ba

THU CHI TÀI CHÍNH

THÔNG BÁO

Công khai thu chi tài chính năm học 2008 – 2009

và năm học 2009 – 2010

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CDKTKTHN

Ngày tháng 12 năm 2009. Địa chỉ truy cập: <http://hanetco.edu.vn>)

A. Thu chi tài chính năm học 2008 - 2009

I. Học phí và các khoản thu khác năm học 2008-2009:

1. Học phí:
 - § Đối với hệ cao đẳng: 380.000 đ/tháng.
 - § Đối với hệ trung cấp: 280.000 đ/tháng
 2. Lệ phí xét tuyển: 15.000 đ/sinh viên.
 3. Lệ phí nhập học, lệ phí khám sức khỏe, phí vệ sinh lớp học hệ cao đẳng và hệ trung cấp: 110.000 đ/sinh viên/khóa học.
- v **Tổng thu năm học 2008-2009 là: 2.397.064.000 đồng**

Trong đó:

- § Thu kỳ I là: 1.273.284.000 đồng.
- § Thu kỳ II là: 1.123.780.000 đồng.

II. Các khoản chi và mức thu nhập của CBCNV năm học 2008-2009:

1. Tổng các khoản chi năm học 2008 – 2009 là : 2.518.286.754 đồng.

Trong đó

- § Chi lương: 1.292.132.300 đồng.
- § Chi bồi dưỡng chuyên môn: 182.673.800 đồng.
- § Chi hội họp, chi phong trào sinh viên, thăm quan học tập: 199.235.160 đồng.
- § Chi thuê cơ sở vật chất: 499.540.964 đồng.
- § Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị: 344.704.534 đồng.
- § Chi đầu tư xây dựng cơ bản 5.000.000.000 đồng

2. Mức thu nhập hàng tháng của cán bộ quản lý và giảng viên.

- § Cán bộ quản lý:
 - Mức cao nhất: 4.000.000 đ/tháng.
 - Mức bình quân: 1.500.000 đ/tháng.
 - Mức thấp nhất: 800.000 đ/tháng.
- § Giảng viên:
 - Mức cao nhất: 2.000.000 đ/tháng.
 - Mức bình quân: 1.500.000 đ/tháng.
 - Mức thấp nhất: 1.200.000 đ/tháng.

B. Báo cáo thực hiện việc công khai tài chính năm học 2009-2010

I. Học phí và các khoản thu khác năm học 2009-2010.

1. Học phí:

§ Đối với hệ cao đẳng: 440.000 đ/tháng

§ Đối với hệ trung cấp: 310.000 đ/tháng

2. Lệ phí xét tuyển: 15.000 đ/sv.

3. Lệ phí nhập học, lệ phí khám sức khỏe, phí vệ sinh, an ninh:

§ Hệ cao đẳng: 260.000 đ/sinh viên/khoá học

§ Hệ trung cấp: 210.000 đ/sinh viên/khoá học

v ***Tổng Thu Kỳ I khóa I và Khóa II: 4.354.417.000 đồng.***

II. Các khoản đã chi cho năm học 2009-2010 (Từ 01/08 đến 15/12/2009).

§ Chi lương: 417.994.470 đồng.

§ Chi bồi dưỡng chuyên môn: 86.502.000 đồng.

§ Chi hội họp, chi phong trào sinh viên, thăm quan học tập: 78.946.500 đồng.

§ Chi thuê cơ sở vật chất: 335.211.550 đồng.

§ Chi sửa chữa, mua sắm trang thiết bị: 864.251.048 đồng.

v ***Dự kiến mức thu học phí và các khoản thu khác cho 02 năm tiếp theo sẽ dựa trên tỷ lệ mất giá của đồng tiền Việt Nam.***

Thủ trưởng đơn vị

Nơi nhận:

- Vụ Kế hoạch-Tài chính Bộ GDĐ
- Vụ Giáo dục Đại học
- Thanh tra Bộ GDĐT
- Cục Nhà giáo và CBQL cơ sở GD
- Cục Khảo thí và KĐCL GD
- Cục Công nghệ Thông tin
- Văn phòng Bộ
- Lưu VP